

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-6-2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Dương Văn Nguyễn-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lâm H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu phố a, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Phạm Phước H1**, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lâm H trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh H1 kết hôn năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101 ngày 18/10/2016. Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019

phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị có làm đơn yêu cầu ly hôn năm 2019 nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Hiện tại anh H1 vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 1 con chung tên Phạm Phước Lâm V, sinh ngày 25/11/2016 hiện đang sống với chị, ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành. Tại bản trình bày ý kiến ngày 07/6/2022, chị H cho rằng anh H1 không đồng ý cấp dưỡng nên chị đồng ý tự nuôi con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: không có.

*\* Bị đơn anh Phạm Phước H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.*

*\* Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Về hôn nhân: mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là có thật, Tòa án đã triệu tập anh H1 nhiều lần nhưng anh không đến Tòa thể hiện anh không muốn hàn gắn và chị H đã từng nộp đơn yêu cầu xin ly hôn, từ đó xác định mục đích hôn nhân giữa chị H và anh H1 không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở. Về con chung: chị H và anh H1 có 01 con chung hiện đang sống với chị H, nên chị H xin trực tiếp nuôi con là phù hợp quy định pháp luật. Trước đây chị có yêu cầu cấp dưỡng nhưng đến nay chị không yêu cầu nữa nên đề nghị Tòa ghi nhận. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lâm H có đơn xin vắng mặt, anh Phạm Phước H1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và bị đơn đang cư trú tại ấp Đ, xã L, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị H cho rằng chị và anh H1 có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H1. Về con chung, chị và anh H1 có 01 con chung là Phạm Phước Lâm V sinh ngày 25/11/2016 hiện đang sống với chị, nên chị yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của chị H:

[4.1] Về hôn nhân: Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101 ngày 18/10/2016, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H và anh H1 nhiều lần mâu thuẫn, thời gian kéo dài, chị H đã từng nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H1 vào năm 2019, do muốn hàn gắn nên chị H đã rút đơn. Điều đó thể hiện mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là có thật và hiện chị không còn sống chung với anh H1 dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Phạm Phước Lâm V sinh ngày 25/11/2016, hiện V đang sống chung với chị H. Xét thấy cháu V còn nhỏ và hiện sống ổn định với chị H nên chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lâm H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lâm H được ly hôn với anh Phạm Phước H1.

- Về con chung: Giao con tên Phạm Phước Lâm V, sinh ngày 25/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Lâm H tiếp tục nuôi. Anh Phạm Phước H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Lâm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005570 ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Tuyền**

